TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 11 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 452/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa H, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa H, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nh trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị Nh và anh H chung sống năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm lo lắng cho gia đình, nhiều lần tham gia cờ bạc, đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi, ly thân khoảng 3 năm nay. Chị Nh xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh H nên yêu cầu được ly hôn.

Chị Nh và anh H có 03 con chung gồm: Nguyễn Trâm Đ, sinh năm 2005, Nguyễn Trâm A, sinh ngày 21/01/2009 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 18/8/2018. Đối với Trâm Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Trâm A có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, Duy A chị yêu cầu được nuôi con, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung chị Nh yêu cầu được tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chị Nh xác định chị và anh H không có nợ ai, người khác không ai nợ lại anh chị.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng H:* Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến anh H để chị biết được yêu cầu khởi kiện của chị Nh nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nh và không tham gia hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Hoàng H đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, T hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị Nh và anh H chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện tại đã sống ly thân. Chị Nh xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nh thấy rằng, chị Nh yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nh, cho chị Nh ly hôn với anh H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của chị Nh thấy rằng: Theo đơn trình bày nguyện vọng của Trâm A thể hiện, Trâm A có nguyện vọng được sống cùng chị Nh, hiện tại Trâm A và Duy A do chị Nh đang nuôi dưỡng; anh H không có ý kiến gì về vấn đề này nên giao Trâm A và Duy A cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Nh không yêu cầu, anh H cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung chị Nh yêu cầu được tự thoả thuận phân chia với H, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chị Nh xác định không có, anh H không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nh phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nh.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H.

- Về con chung: Giao Nguyễn Trâm A, sinh ngày 21/01/2009 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Nh tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Trâm A và Duy A đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Nguyễn Hoàng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001919 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị Nh đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tân T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai